

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC INHOUSE DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC INHOUSE DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INHOUSE DESIGN ARCHITECTURE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INHOUSE DESIGN ICO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109439081

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 411, tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986025638

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                         | 8552     |
| 2.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                       | 8551     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005). | 8299     |
| 4.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                               | 8130     |
| 5.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                   | 8129     |
| 6.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                               | 8121     |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                             | 8110     |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                      | 7410     |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                           | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình cầu đường;</li> <li>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;</li> <li>- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;</li> <li>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;</li> <li>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;</li> <li>- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;</li> <li>- Lập dự án;</li> <li>- Lập, thẩm tra dự toán;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng;</li> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;</li> <li>- Thiết kế điện công trình xây dựng công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư xây dựng;</li> </ul> <p>(Theo Điều 153, 154, 155, 157, 158 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 46, 48, 49, 53, 59, 61, 65, 66 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).</p> <p>Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật</p> | 7110(Chính) |
| 11. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết: tư vấn đầu tư</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4759        |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753        |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4719        |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí                                                           | 4690 |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390 |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                | 4322 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                    | 4312 |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                               | 4311 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                           | 4299 |
| 30. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                | 4293 |
| 31. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                      | 4292 |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                                                                             | 4291 |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                    | 4229 |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                   | 4223 |
| 35. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                  | 4222 |
| 36. | Xây dựng công trình điện                                                                                             | 4221 |
| 37. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                         | 4212 |
| 38. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                        | 4211 |
| 39. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                              | 4102 |
| 40. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                    | 4101 |
| 41. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                        | 3700 |
| 42. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                    | 3600 |
| 43. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                              | 3320 |
| 44. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                        | 3100 |
| 45. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                            | 2750 |
| 46. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                        | 2396 |
| 47. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                    | 2395 |
| 48. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                   | 2394 |
| 49. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                | 2392 |
| 50. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                       | 2022 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 51. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                         | 1622                                                                |
| 52. | Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: DOÃN TRUYỀN \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *02/05/1992* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001092010998*  
 Ngày cấp: *03/08/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 411, tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Số 411, tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội